

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 55/2018/HS-PT

Ngày: 27 - 6 - 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Năm.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Bé.

Bà Phạm Thị Thu Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Phong – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Lương Thanh Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 55/2018/TLPT-HS ngày 15 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Cao Văn Giác T và bị cáo Võ Đình V do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 09/2018/HS-ST ngày 10/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

-Các bị cáo có kháng cáo:

1.Họ và tên: Cao Văn Giác T, sinh ngày: 04/8/1999 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ dân phố S, thị trấn S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cao Văn N và bà Bùi Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 09/10/2017 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2.Họ và tên: Võ Đình V, sinh ngày: 08/8/1998 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Đình H và bà Lê Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 09/10/2017 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Võ Đình V: Ông Phan Thanh V là Luật sư Văn phòng Luật sư Q thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 13/9/2017, Cao Văn Giác T điều khiển xe mô tô BKS 76E1-xxx.xx chở bạn gái Nguyễn Thị Kiều T1 đến nhà Võ Đình V tại thôn A, xã N, huyện T thăm chơi. Đến 21 giờ 30 phút cùng ngày, Võ Đình V điều khiển xe mô tô chở T và T1 về nhà bà Cao Bích P (Cô ruột của T) ở tại Tổ dân phố S, thị trấn S, huyện T. Khi đến nhà bà P thì T và T1 vào nhà, còn V đứng ngoài đường chờ. Tại nhà bà P, T xin bà P 70.000 đồng với mục đích để mua cỏ hút nhưng bà P không cho nên T xuống bếp lấy 01 cái kéo chiều dài khoảng 20cm (mũi nhọn) đi lên với mục đích để bà P nhìn

thấy mà cho tiền, khi bà P nhìn thấy bảo T đưa kéo nhưng T không đưa mà cầm kéo đi ra chỗ V đứng chờ. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, V rủ T ra thành phố Quảng Ngãi mua chịu cỗ để hút thì T đồng ý (khi đi T có mang theo chiếc kéo đã lấy từ bếp nhà bà P), còn T1 bạn gái T ở lại nhà bà P. V điều khiển xe mô tô BKS 76E1-xxx.xx chở T lưu thông trên tuyến đường Quốc lộ 1A, hướng từ Nam ra Bắc; khi đi đến trạm Y Tế xã N thì T và V nhìn bên phía tay phải thấy anh Võ Văn C đang đứng quay mặt vào cửa hàng tạp hóa nhà chị Võ Thị T2. Lúc này, T nảy sinh ý định cướp tài sản liền hỏi V “Giờ sao mày, cướp không” thì V trả lời “Cướp thì cướp”. V điều khiển xe mô tô quay lại đến lề đường gần vị trí anh C đứng dừng xe lại, T ngồi phía sau bước xuống xe tiến đến áp sát phía sau anh C; T dùng tay trái giữ vai trái của anh C còn tay phải của T cầm cái kéo (lấy ở bếp nhà bà P mang theo) đưa mũi nhọn vào trước cổ của anh C với mục đích làm cho anh C sợ không chống cự. V đến sau nhìn qua khe cửa sắt thì thấy chị T2 từ trong nhà nhìn ra, V có lời lẽ hăm dọa nên chị T2 sợ bỏ vào trong nhà. Lúc này, T đã khống chế anh C đi đến một ngõ hẻm cách đó 15m rồi khống chế anh C nằm ngửa xuống đường, T đè lên người anh C. V đi đến chỗ T đang khống chế anh C và hỏi anh C tiền đâu, anh C trả lời “tiền trong túi chứ đâu”, nghe vậy V lục soát túi quần phía trước bên phải của anh C lấy một chiếc điện thoại di động hiệu GIONEE L18, rồi tiếp tục lục soát túi quần phía sau lấy chiếc ví da của anh C lục lấy tiền và giấy tờ trong ví rồi bỏ lại ví da cho anh C. Sau khi cướp được tài sản của anh C thì V điều khiển xe mô tô BKS 76E1-xxx.xx chở T đi ra hướng thành phố Q; khi đi đến gần trạm thu phí xã N, huyện T thì T bảo V đi chậm lại để T rút cái kéo xuống ven đường. V tiếp tục điều khiển xe mô tô chở T qua trạm thu phí xã N khoảng 100m rẽ xuống hướng Đông đến đoạn đường có ánh đèn sáng thì dừng lại và kiểm tra tài sản cướp được của anh C, gồm: 01 chiếc điện thoại hiệu GIONEE L18, số tiền 840.000 đồng gồm nhiều tờ tiền có mệnh giá khác nhau; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Võ Văn C; 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 74V4-yyyy. Tại đây, T xé chứng minh nhân dân và giấy đăng ký xe mô tô của anh C rồi vứt xuống đường. Sau đó, V chở T ra hẻm 900 Q chuộc xe mô tô mà V đã thế chấp cho một người tên M từ trước với số tiền 450.000 đồng và mua 02 lần cỗ (thuốc) của M để hút với số tiền là 220.000 đồng, V đưa cho T 100.000 đồng, còn lại 70.000 đồng V mua nước uống và thuốc lá cả hai cùng sử dụng.

Kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐGTS ngày 07/12/2017, Hội đồng định giá tài sản kết luận chiếc điện thoại hiệu GIONEE L18 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 350.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2018/HS-ST ngày 10/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Cao Văn Giác T và bị cáo Võ Đình V phạm tội: “*Cướp tài sản*”.

-Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm d Khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Cao Văn Giác T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 09/10/2017.

-Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm d Khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Võ Đình V 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 09/10/2017.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 11/4/2018, bị cáo Cao Văn Giác T và bị cáo Võ Đình V có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 24/4/2018 bị cáo Cao Văn Giác T có đơn kháng cáo bổ sung với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Cao Văn Giác T và bị cáo Võ Đình V vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Tại phần kết luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu: Cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Cao Văn Giác T, Võ Đình V về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại và người bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; tại phiên tòa phúc thẩm người bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo T có ông nội, bà nội là người có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì và hạng ba. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Cao Văn Giác T và bị cáo Võ Đình V; sửa bản án sơ thẩm số: 09/2018/HS-ST ngày 10/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; áp dụng thêm Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 cho các bị cáo V, T và xét xử các bị cáo với mức hình phạt từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm tù.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Võ Đình V phát biểu: Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Võ Đình V về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo V không chuẩn bị phương tiện phạm tội; không khống chế, uy hiếp người bị hại, chỉ làm theo sự rủ rê của bị cáo T; do đó, vai trò của bị cáo V trong vụ án này là đồng phạm với vai trò thứ yếu, theo khoản 4 Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định “*Người đồng phạm không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành*”. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; tuổi đời bị cáo còn rất trẻ và tương lai còn dài; Đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo V. Nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 4 Điều 17 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Đình V, xét xử bị cáo theo mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét hành vi của bị cáo Cao Văn Giác T và bị cáo Võ Đình V: Vào khoảng 22 giờ ngày 13/9/2017, Võ Đình V và Cao Văn Giác T rủ nhau ra thành phố Q để mua chịu thuốc cỏ sử dụng. V điều khiển xe mô tô chở T đi, khi đi T có mang theo 01 cái kéo dài 20cm mũi nhọn. Khi đi đến trạm Y Tế xã N, huyện T thì T và V phát hiện anh Võ Văn C đang đứng quay mặt vào cửa hàng tạp hóa nhà chị Võ Thị T2; ngay lúc đó T và V rủ nhau cướp tài sản của anh C nên V dừng xe lại, T dùng kéo đưa mũi nhọn vào cổ anh C

không chế, V lục soát túi quần của anh C lấy điện thoại, tiền và giấy tờ rồi chờ nhau tẩu thoát. Hành vi của bị cáo T và bị cáo V sử dụng kéo để khống chế, uy hiếp chiếm đoạt tài sản của anh C là thuộc trường hợp dùng phương tiện nguy hiểm để phạm tội. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Cao Văn Giác T và bị cáo Võ Đình V về tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Cao Văn Giác T và bị cáo Võ Đình V, thì thấy:

Bị cáo T và bị cáo V đều nghiện thuốc cỏ, để có tiền mua thuốc cỏ sử dụng, nên các bị cáo rủ nhau cướp tài sản của anh C để có tiền mua thuốc cỏ sử dụng. Bị cáo T là người rủ bị cáo V và trực tiếp dùng kéo khống chế, uy hiếp anh C; trong lúc bị cáo T khống chế anh C thì bị cáo V là người trực tiếp lấy tài sản trong túi anh C, rồi V điều khiển xe chở T tẩu thoát. Trong vụ án này, cả bị cáo Cao Văn Giác T và bị cáo Võ Đình V đều là người thực hành, các bị cáo tuy không phân công nhiệm vụ trước nhưng cùng thống nhất với nhau về ý chí và hành động khi thực hiện hành vi cướp tài sản. Do đó, bị cáo Cao Văn Giác T và bị cáo Võ Đình V đều phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò là người thực hành, là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; xem xét, đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cũng như nhân thân của từng bị cáo, nên xử phạt bị cáo Cao Văn Giác T 07 (bảy) năm tù, bị cáo Võ Đình V 07 (bảy) năm tù về tội “*Cướp tài sản*” là phù hợp, không nặng. Vì vậy, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Cao Văn Giác T và bị cáo Võ Đình V không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Bị cáo Cao Văn Giác T và bị cáo Võ Đình V là đồng phạm với vai trò người thực hành theo quy định tại Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: “*Bị cáo Cao Văn Giác T và bị cáo Võ Đình V là đồng phạm giản đơn, không có tổ chức*” là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phần Quyết định lại không áp dụng Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo Cao Văn Giác T, Võ Đình V là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm. Cấp phúc thẩm áp dụng thêm Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999 cho các bị cáo V, T.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Võ Đình V không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Bị cáo Cao Văn Giác T và bị cáo Võ Đình V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Cao Văn Giác T và bị cáo Võ Đình V. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 09/2018/HSST ngày 10/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

-Áp dụng: Điểm d Khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20 và Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Cao Văn Giác T 07 (bảy) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 09/10/2017.

-Áp dụng: Điểm d Khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20 và Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Võ Đình V 07 (bảy) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 09/10/2017.

2. Bị cáo Cao Văn Giác T và bị cáo Võ Đình V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, TAND huyện T;
- Công an huyện T;
- THA dân sự huyện T;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Năm